

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 30-NQ/TW) và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 14/NQ-CP), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện quán triệt nghiêm túc, sâu sắc và triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Ninh Bình.

2. Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW, Nghị quyết số 14/NQ-CP và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai với lộ trình, thời gian hoàn thành cụ thể; thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu được đề ra tại Kế hoạch này, góp phần cùng các tỉnh, thành phố trong vùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết số 30-NQ/TW.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 8,5-9,0%; đến năm 2030, quy mô kinh tế (GRDP theo giá hiện hành) gấp 2,6 lần so với năm 2020, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 5,35%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 47,92%, dịch vụ chiếm khoảng 35,54%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 11,19%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 144 triệu đồng/người/năm. Kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh. Tỷ lệ đô

thị hóa đạt 50%. Toàn bộ 100% các huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 95%; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học: Mầm non 99%, tiểu học 90% (chuẩn mức độ 2), Trung học cơ sở 100%, Trung học phổ thông 90%. Số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 13,5 bác sĩ, số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 45 giường bệnh; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể thấp còi dưới 5 tuổi bình quân đạt dưới 15%; Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) đạt dưới 2%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 2%/năm; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 40-48%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý hợp vệ sinh ở đô thị đạt 95%, ở nông thôn đạt 90%; Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%; Tỷ lệ số khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(Chi tiết các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 tại phụ lục kèm theo).

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Ninh Bình hướng tới 02 đích lớn: (1) Là một trong những trung tâm du lịch lớn, nằm trong nhóm 10 điểm đến du lịch hàng đầu của cả nước và khu vực Đông Nam Á, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; (2) Là nơi có môi trường sống trong lành, an toàn, thân thiện và hạnh phúc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết

- Tập trung triển khai ngay việc nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW, Nghị quyết số 14/NQ-CP và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nâng cao nhận thức của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

- Công tác tuyên truyền cần được tiến hành với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch. Tập trung, khẩn trương hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch quan trọng, như: Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, thực hiện lồng ghép với các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và Nghị quyết số 30-NQ/TW, đảm bảo tính liên kết trong nội bộ vùng, với các địa phương trong tỉnh, các tỉnh trong vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.

- Phát huy lợi thế chiến lược, nằm trong tứ giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Thanh Hóa, nhất là kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh liên kết vùng và hợp tác liên vùng, nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hoá, du lịch và các giá trị truyền thống của địa phương; gắn xây dựng nông thôn mới với đô thị văn minh, hiện đại. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương; phối hợp xây dựng các chương trình vận động, xúc tiến đầu tư chung giữa các tỉnh để thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư sản xuất - kinh doanh, đầu tư - xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội vùng không gian thuộc các huyện, thành phố: Nho Quan - Tam Điệp - Yên Mô - Kim Sơn, tạo dư địa và động lực cho những phát triển mới của tỉnh. Tăng cường quản lý đất đai vùng bãi bồi ven biển; tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch nhằm bảo vệ và phát triển bền vững không gian biển, nhất là hạ tầng thủy lợi phục vụ phòng, chống thiên tai và hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng với các vùng kinh tế động lực khác của tỉnh Ninh Bình và với các vùng biển của các tỉnh, thành phố thuộc hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; hạ tầng dịch vụ du lịch sinh thái biển.

3. Về phát triển kinh tế

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo nền tảng, động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh; thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng cao, đóng góp ngân sách lớn, tham gia sâu vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu; nâng cao năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế địa phương.

- Tập trung cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong phát triển sản xuất kinh doanh. Đổi mới công tác thu hút đầu tư theo hướng hiệu quả và thực chất, giải quyết thủ tục nhanh, gọn, nhất là các dự án lớn, có tính chiến lược, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách theo hướng vừa tháo gỡ thực chất khó khăn để các dự án sớm hoàn thành, vừa xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, kiên quyết thu hồi đất các dự án chậm tiến độ kéo dài, sử dụng đất kém hiệu quả. Phát huy hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đẩy mạnh các hình thức đầu tư, tập trung nguồn lực xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án cơ sở hạ tầng bền vững. Khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm liên kết ngành, nhóm sản phẩm chuyên môn hóa gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo trên cơ sở nắm bắt, khai thác cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lợi thế thương mại tự do và sự chuyển dịch đầu tư nước ngoài; ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử, thiết bị điện tử, linh kiện điện tử, cơ khí chế tạo, sản xuất ô tô và công nghiệp lắp ráp ô tô; công nghiệp chế biến, chế tạo và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp và du lịch.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sạch, xanh, hữu cơ, gắn với lợi thế riêng có của từng vùng, địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái, bền vững và phục vụ phát triển du lịch; trong đó, tập trung phát triển nông nghiệp theo lợi thế từng tiểu vùng sinh thái, theo hướng nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, đặc hữu, tăng thêm các sản phẩm OCOP của tỉnh. Xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao, kiểu mẫu gắn với phát triển du lịch; nghiên cứu, ban hành các cơ chế chính sách để xây dựng và từng bước phát triển bền vững vùng kinh tế ven biển huyện Kim Sơn tạo động lực, không gian và cực tăng trưởng mới của tỉnh theo Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 26/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Phát triển mạnh ngành dịch vụ theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch hàng đầu của cả nước và khu vực theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 29/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Trong đó, tập trung phát triển thương hiệu du lịch Ninh Bình với các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có sức cạnh tranh cao gắn với công tác bảo tồn và phát huy giá trị tự nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử Cố đô Hoa Lư, giá trị nổi bật của Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm du lịch đáp ứng xu hướng mới của thị trường; phát triển các sản phẩm du lịch mới, nhất là sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch theo chủ đề, sinh thái, trải nghiệm trên cơ sở

thể mạnh, tiềm năng sẵn có, mang tính khác biệt, tạo thành mạng lưới các sản phẩm đa dạng, bổ trợ cho nhau; phát triển các loại hình, hoạt động kinh tế ban đêm, góp phần tăng chi tiêu, nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch.

- Ưu tiên các nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng du lịch và tập trung thu hút đầu tư các dự án du lịch và dịch vụ chiến lược, nhất là Quần thể danh thắng Tràng An và các khu vực có nhiều dư địa, tạo động lực cho những phát triển mới, như: Khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình, Vùng sinh thái gắn với Vườn Quốc gia Cúc Phương, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, Công viên động vật hoang dã quốc gia, khu vực bãi bồi và Cồn Nổi Kim Sơn. Tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm hoàn thành đưa vào khai thác các dự án dịch vụ du lịch đang triển khai. Tăng cường các hoạt động truyền thông, quảng bá xúc tiến du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Chú trọng công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn, thân thiện.

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đáp ứng yêu cầu. Xây dựng đề án chuyển đổi mô hình quản lý và giải pháp quản lý, khai thác các khu, điểm du lịch; tiếp tục quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh du lịch trong phạm vi Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất. Tiếp tục đổi mới hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư, phát triển các dịch vụ thương mại cao cấp.

- Tập trung quản lý, nâng cao hiệu quả về thu, chi ngân sách, tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính; triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đầu tư công; xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn và hằng năm, đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển, như: Giao thông, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào để phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch, các dự án thoát nước, xử lý rác thải, xử lý môi trường, các công trình thủy lợi;... Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); huy động vốn FDI; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao khoa học công nghệ...

- Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư gắn với cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tập trung hơn nữa trong việc rà soát, tháo gỡ các rào cản,

vướng mắc về cơ chế, chính sách để khơi thông điểm nghẽn; thu hút nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các nhà đầu tư có kinh nghiệm trong phát triển khu đô thị, khu dịch vụ, vui chơi giải trí cao cấp, các nhà đầu tư chiến lược với các dự án xanh, công nghệ cao, công nghệ sạch... tạo ra sản phẩm mới, đóng góp lớn vào tăng trưởng và thu ngân sách.

4. Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tập trung hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2040; ưu tiên đầu tư phát triển đô thị thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp tạo động lực phát triển các đô thị vệ tinh, trong đó huy động các nguồn lực xây dựng phát triển đô thị Ninh Bình mở rộng về phía Bắc kết hợp cảnh quan ven sông Đáy, phát triển khu vực sông Bến Đàng kết nối giữa đô thị Ninh Bình và đô thị Tam Điệp. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng khung đô thị khu vực thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư, như: Tuyến đường Đinh Tiên Hoàng kéo dài, đường Vạn Hạnh, đường T21; cầu vượt sông Vân; cải tạo nút giao ngã tư Cầu Lim; cầu Bến mới và QL 38B, hồ điều hòa phía Bắc thành phố, công viên văn hóa Tràng An, công viên phía Nam thành phố, công viên núi Thúy, cải tạo cảnh quan hai bên bờ sông Vân, phố đi bộ văn hóa ẩm thực, lâm viên Cảnh Diệu, khu Quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế, Bảo tàng và Thư viện tỉnh...

- Đầu tư trọng điểm phát triển các đô thị trung tâm của tỉnh, như: Đô thị phía Đông - Nam của tỉnh trên địa bàn huyện Kim Sơn để khai thác tiềm năng và thế mạnh phát triển kinh tế biển, đảm bảo đến năm 2030 thành lập thị xã Kim Sơn; đô thị phía Tây của tỉnh trên địa bàn thị trấn Nho Quan trở thành trung tâm, là đầu mối phát triển kinh tế, văn hóa với các tỉnh miền núi Tây Bắc, đảm bảo mục tiêu đến cuối năm 2030 trở thành đô thị loại IV; đô thị sinh thái, văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng Ninh Bình trên địa bàn huyện Nho Quan; xây dựng và hình thành đô thị công nghiệp Gián Khẩu là đô thị loại V vào cuối năm 2025, trở thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của tỉnh và khu vực; khu công nghiệp tại Phú Long. Các đô thị còn lại tập trung đầu tư phát triển nâng cấp theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

- Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị văn minh hiện đại giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông quan trọng, huyết mạch có tính chất kết nối vùng, liên vùng, kết nối khu du lịch trọng điểm, khu, cụm công nghiệp với nhau và với hệ thống giao thông của Quốc gia để thu hút phát triển công nghiệp, du lịch, phát triển mở rộng không gian đô thị, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế xã hội; đặc biệt như: Tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua địa phận các tỉnh Ninh Bình, Nam

Định, Thái Bình; tuyến đường bộ ven biển kết nối hành lang kinh tế ven biển của vùng; tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình kết nối các khu, điểm du lịch của tỉnh với tỉnh Hà Nam; tuyến đường Đông - Tây kết nối vùng núi phía Tây, vùng biển phía Đông với đường Cao tốc Quốc gia phía Đông, tạo quỹ đất thu hút đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ toàn bộ vùng Tây Nam của tỉnh; tuyến đường ĐT.482 kết nối khu vực phía Đông của tỉnh và kết nối với các tỉnh lân cận, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển vùng biển Kim Sơn và phía Đông của tỉnh... Đẩy mạnh, quản lý hoạt động đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa phù hợp với tình hình thực tế địa phương; phát triển dịch vụ logistic.

- Tập trung nghiên cứu các giải pháp để chỉnh trị cửa Đáy, các giải pháp tiến tới xóa bỏ vùng phân lũ, chập lũ để đảm bảo yêu cầu sản xuất công nghiệp và đời sống nhân dân; từng bước xây dựng cụm công trình liên kết giữa Cồn Nổi - Cồn Mờ - Hòn Nẹ - Lạch Trường tạo thành đường kết nối ven biển, góp phần hình thành khu du lịch dịch vụ Cồn Nổi - Hòn Nẹ - Sầm Sơn. Tăng cường xây dựng và củng cố hệ thống đê sông, đê biển, các trạm bơm, các công trình ngăn mặn, xả lũ, giữ ngọt, tiêu úng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Tập trung phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển và quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; qua đó, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp và dịch vụ, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đầu tư cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn gắn với nâng cao vai trò quản lý, giám sát của nhà nước nhất là tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tập trung xúc tiến, thu hút nhà đầu tư thực hiện dự án xử lý rác thải tập trung để giải quyết căn bản những ảnh hưởng tiêu cực của rác thải đến môi trường sinh thái trong dài hạn, đảm bảo môi trường đô thị, nông thôn và phát triển du lịch. Phát triển mạnh mẽ hạ tầng thương mại theo các quy hoạch; đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn tỉnh; đồng thời phục vụ tốt cho công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

5. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Tăng cường và phát huy tiềm lực khoa học công nghệ, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tập trung phát triển sản phẩm đặc trưng của tỉnh, ưu tiên phát triển, ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là

công nghệ thông tin, công nghệ sinh học tạo giống cây, con có năng suất, chất lượng, lưu giữ và khai thác nguồn gen quý hiếm; tăng cường ứng dụng công nghệ xử lý môi trường, công nghệ chế biến và bảo quản các sản phẩm nông sản. Chú trọng xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tập trung thực hiện các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan Nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp; phát triển hạ tầng kỹ thuật, xây dựng địa phương thông minh và phát triển nguồn nhân lực. Phấn đấu đến năm 2025, tỉnh hoàn thành các hệ thống nền tảng phát triển chính quyền điện tử; cơ bản hình thành chính quyền số, hoàn thành các nền tảng cơ bản để thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực: Y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thể thao, du lịch, giao thông vận tải, nông nghiệp, tài nguyên môi trường và tài chính. Đến năm 2030, Ninh Bình thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số ở các lĩnh vực ưu tiên, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh bền vững; tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

6. Về phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đủ số lượng và cơ cấu, chuẩn về trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tốt các điều kiện dạy và học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và năng lực số. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh và cả nước. Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân. Đẩy mạnh chuyển đổi số và các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong giáo dục.

- Thực hiện các giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp, tập trung đầu tư thu hút mọi nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế có thế mạnh của tỉnh, các nhóm ngành nghề đang phát triển, có nhu cầu nhân lực lớn, phục vụ cho sự phát triển công nghiệp như công nghiệp phụ trợ, sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp điện tử, nhóm ngành nghề khách sạn, du lịch, dịch vụ cá nhân để phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực của các ngành nghề kinh

tế chủ lực trên địa bàn tỉnh. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo hướng chuẩn hóa, tăng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với tiếp nhận, sử dụng lao động hiệu quả.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững, tăng cường các hoạt động bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác người có công; phát triển thị trường lao động lành mạnh, đồng bộ gắn với giải quyết việc làm.

7. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

- Phát triển văn hoá ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, tạo sức mạnh nội sinh trong xây dựng và phát triển văn hoá, con người và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khẩn trương xây dựng cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử vùng đất Cố đô Hoa Lư; nghiên cứu xây dựng các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm du lịch; xây dựng các sản phẩm văn hóa có tính nổi bật phục vụ phát triển du lịch; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương trong quá trình xây dựng các đề án, quy hoạch, nhiệm vụ phát triển văn hoá - xã hội, đảm bảo tích hợp đầy đủ các quan điểm, định hướng, quy hoạch phát triển và các chính sách của tỉnh. Cùng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật, phát triển đa dạng các loại hình hoạt động văn hoá, nghệ thuật tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động và hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao trong tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng những tiến bộ công nghệ trong một số hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao. Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho người dân khi tham gia, tổ chức thực hiện các hoạt động văn hoá thể thao.

- Chủ động, tích cực trong triển khai công tác phòng chống dịch bệnh; tăng cường giám sát, phát hiện, bao vây dập dịch không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tăng cường triển khai, ứng dụng nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến trong khám, chữa bệnh cho nhân dân; tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án Bệnh viện vệ tinh, đề án 1816, tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các chuyên gia đầu ngành ở trung ương, tiếp thu và triển khai nhiều kỹ thuật cao, mũi nhọn từng bước tạo thương hiệu, niềm tin của nhân dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận về ngành y tế Ninh Bình. Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các bệnh viện ngoài công lập. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong ngành y tế. Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tại tuyến y tế cơ sở, đặc biệt quan tâm quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm phổ biến và lập hồ sơ sức khoẻ điện tử đến từng người dân.

8. Về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Bảo vệ và khai thác tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ việc khai thác, sử dụng khoáng sản phục vụ sản xuất xi măng, làm vật liệu xây dựng thông thường; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Bảo vệ, phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm về tài nguyên môi trường; xử lý các cơ sở, phương tiện gây ô nhiễm môi trường; đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng. Tăng cường giám sát, công khai kịp thời, đầy đủ thông tin và nâng cao chất lượng môi trường đô thị, nông thôn, làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Từng bước hạn chế các ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới. Thúc đẩy các ngành kinh tế xanh phát triển nhanh để tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên; thúc đẩy đô thị hóa theo hướng đô thị thông minh, bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái, thuận lợi cho phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường, tiết kiệm thời gian đi lại... Rà soát, chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý của nhà nước về bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường. Tiếp tục quan tâm xây dựng các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường nhằm kêu gọi hỗ trợ từ các nguồn vốn nước ngoài.

9. Bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ; xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, có chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao; chủ động phòng, chống làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng. Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác biên phòng, chú trọng xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Tăng cường quản lý bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trật tự khu vực biên giới biên.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia đảm bảo an ninh trật tự, trong đó lực lượng Công an làm nòng cốt. Giữ vững an ninh chính trị trong mọi tình huống, không bị động, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh; làm tốt công tác đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh nông thôn, an ninh đô thị, an ninh văn hóa. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy. Đảm bảo trật tự an toàn xã hội, kiềm chế và làm giảm tội phạm hình sự; tăng tỷ lệ điều tra khám phá án. Không để hình thành tội phạm có tổ chức, hoạt động kiểu "xã hội đen". Nâng cao chất lượng "Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; tiếp tục mở rộng và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước, các địa

phương, các tổ chức, tập đoàn kinh tế, tài chính lớn trong vùng và các nước, trong khu vực và thế giới. Tăng cường hợp tác với các tỉnh kết nghĩa. Tích cực vận động, tranh thủ nguồn vốn cho các lĩnh vực y tế, giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, du lịch. Đổi mới phương thức tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh Ninh Bình đến với bạn bè trong nước, quốc tế và kiều bào ở nước ngoài.

10. Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tại địa phương

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương và của tỉnh về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp với tinh thần cán bộ giữ cương vị càng cao càng phải tiên phong, gương mẫu.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ và người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả đề án xây dựng đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng đến năm 2030; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; khuyến khích bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tăng cường bảo vệ cán bộ trước thông tin bịa đặt, có dụng ý xấu; tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ bảo đảm dân chủ, khách quan, đúng nguyên tắc, quy trình, thẩm quyền. Tập trung xây dựng, củng cố tổ chức đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; quản lý chặt chẽ đội ngũ đảng viên; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên bảo đảm về số lượng và chất lượng; tiếp tục chỉ đạo có hiệu quả việc thành lập tổ chức đảng trong trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước; thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; chú trọng làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng, xử lý nghiêm tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Thực hiện tốt công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh công tác dân vận của hệ thống chính trị, tuyên truyền, nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, những mô hình, điển hình “Dân vận khéo”. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, giám sát và phản biện xã hội. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nền kinh tế và xã hội số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về các nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW, Nghị quyết số 14/NQ-CP và Kế hoạch thực hiện của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, Nghị quyết số 14/NQ-CP và Kế hoạch này. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Kế hoạch, phát huy vai trò phản biện xã hội.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết số 30-NQ/TW, Nghị quyết số 14/NQ-CP và Kế hoạch này đảm bảo các mục đích, yêu cầu đề ra; phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện; tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các Ban cán sự đảng, đảng đoàn ở tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ
và các đoàn thể ở tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, ĐUTT tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

KH/TU.TH

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Thị Thu Hà

**Phụ lục: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 112-KH/TU ngày 27/02/2023 của BTV Tỉnh ủy Ninh Bình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỉnh Ninh Bình		
			2021-2025	2026-2030	2021-2030
I	Chỉ tiêu phát triển kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm (giá so sánh 2010):	%	8,5	9,0	8,5-9,0
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	1,7	1,2	1,45
	- Công nghiệp - xây dựng	%	11,3	10,7	11,0
	- Dịch vụ	%	8,5	9,3	8,9
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,0	6,0	5,5
2	Cơ cấu kinh tế (theo GRDP, giá hiện hành)				
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	7,75	5,35	5,35
	- Công nghiệp - xây dựng	%	44,34	47,92	47,92
	- Dịch vụ	%	35,04	35,54	35,54
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	12,86	11,19	11,19
3	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)	Tr.đồng	105	144	144
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	20	30	30
II	Chỉ tiêu văn hoá - xã hội				
5	Về giáo dục:				
	- Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	90,0	95,0	95,0
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đến năm cuối nhiệm kỳ				
	+ <i>Mầm non</i>	%	98,0	99,0	99,0
	+ <i>Tiểu học (mức độ 2)</i>	%	83,7	90,0	90,0
	+ <i>Trung học cơ sở</i>	%	100	100	100
	+ <i>Trung học phổ thông</i>	%	80,0	90,0	90,0
6	Về y tế:				
	- Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	13,0	13,5	13,5
	- Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường	41	45	45
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	dưới 20%	dưới 15%	dưới 15%
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95,0	> 95,0	> 95,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỉnh Ninh Bình		
			2021-2025	2026-2030	2021-2030
7	Về lao động, việc làm, giảm nghèo:				
	- Tỷ lệ giảm hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	2/3 số hộ nghèo	dưới 2%	dưới 2%
	- Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%/năm	<2,0	<2,0	<2,0
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	28-32	40-48	40-48
8	Xây dựng nông thôn mới:				
	Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		Năm 2024		
	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu	%	25	100% các huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; 02 huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	100% các huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; 02 huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	50	75	75
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	20	40	40
9	- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn				
	+ Khu vực thành thị	%		100	100
	+ Khu vực nông thôn	%	70	85	85
	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	45	50	50
	- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý hợp vệ sinh khu vực đô thị	%	90	95	95
	- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý hợp vệ sinh khu vực nông thôn	%	85	90	90
	- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình, cá nhân phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	85	90	98
- Tỷ lệ số khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	